TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **100**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19/6/2023
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Hoàng;

2. Ông Trần Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 135/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 về việc *"Ly* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 75A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* **Bà Trương Thị T**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Tổ B, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Có mặt.

** Bị đơn:* **Ông Trần Hùng C**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Tổ B, ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị T trình bày như sau*: Bà và ông Trần Hùng C do mai mối, tìm hiểu và quen nhau rồi đi đến chung sống với nhau từ năm 1992, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn.

Thời gian đầu, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc tới năm 2022 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc. Thời gian qua, bà đã cố gắng nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2022 đến nay. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông C là vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 02 con chung tên là Trần Thị Yến T1, sinh ngày 01/01/1995 và Trần Thị Hoài T2, sinh ngày 22/02/2000, hiện tại đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà tự thỏa thuận với ông C nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

* Ông Trần Hùng C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông C vắng mặt không có lý do và không cung cấp bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Ông C đang cư trú tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Hùng C (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: bà T và ông C chung sống với nhau từ năm 1992 nhưng đến nay vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay do mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông C. Do hôn nhân giữa bà T và ông C vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và G về đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử

không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân mà căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và G không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông C.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông C có 02 con chung tên Trần Thị Yến T1, sinh ngày 01/01/1995 và Trần Thị Hoài T2, sinh ngày 22/02/2000. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: bà T không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét.

[3] Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tốdân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban ThườngQuốc hội, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 8, 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và Giaình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ banThường vụhộimức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trương Thị T và Trần Hùng C.

* Về con chung: bà T và ông C có 02 con chung tên Trần Thị Yến T1, sinh ngày 01/01/1995 và Trần Thị Hoài T2, sinh ngày 22/02/2000. Hiện nay, các con chung đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét.

* Về tài sản chung và nợ chung: bà T không tranh chấp tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét.

* Về án phí sơ thẩm: Bà Trương Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biênthu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011629 ngày 24 tháng 3 năm 2023 của C1 CụcThi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Vân